

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-9-2017  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thông;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tuyết H, sinh năm: 1988; HKTT: Số 16, đường K, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1988; Nơi cư trú cuối cùng: Số 16, đường K, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn xin ly hôn ngày 22/6/2017, bản tự khai ngày 04/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà H) trình bày:**

Bà Nguyễn Tuyết H và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương vào năm 2012.

- Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thái P, sinh ngày 13/11/2012. Bà H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Ông T đã bỏ đi cách nay hơn 03 năm, bà H có làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tuyên bố mất tích đối với ông T và đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định số 06/2017/QĐDS-ST ngày 06/6/2017. Vì vậy, bà H làm đơn xin ly hôn với ông T.

Ngoài ra, bà H không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:** Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự thủ tục. Đồng thời đại diện viện kiểm sát cũng không có yêu cầu thay đổi thành phần những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Tuyết H khởi kiện ông Lê Văn T về việc ly hôn. Do ông T có nơi cư trú cuối cùng tại khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì ông T bỏ đi khỏi địa phương không rõ lý do. Bà H đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì. Bà H đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T mất tích và được Tòa án ra quyết định số 06/2017/QĐDS-ST ngày 06/6/2017. Do đó, bà H yêu cầu xin ly hôn với ông T. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông T không đạt được những điều đó. Ông T đã bỏ đi hơn ba năm và đã được Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng tuyên bố mất tích. Do đó, bà H xin ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có một con chung tên Lê Nguyễn Thái P, sinh ngày 13/11/2012. Bà H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông T

cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ông T bỏ đi thì con chung sống với bà H cho đến nay. Do đó, để đảm bảo cho việc phát triển của trẻ chưa thành niên cần giao con chung cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[6] Tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tuyết H đối với ông Lê Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Tuyết H được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Thái P, sinh ngày 13/11/2012.

Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Bà Nguyễn Tuyết H và ông Lê Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Tuyết H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005462 ngày 22 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện C;
- UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Thùy Linh**